

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM THUỐC
TRUNG ƯƠNG

Số: 925./VKNTTW-HCQT
V/v mời báo giá dịch vụ bảo dưỡng điều hòa
không khí năm 2025 và 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29. tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Quý công ty

Viện Kiểm nghiệm Thuốc Trung ương có nhu cầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điều hòa trung tâm Hitachi Setfree, điều hòa trung tâm Mitsubishi và điều hòa cục bộ cho 02 năm (2025 và 2026) bằng nguồn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khác của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương.

Để có căn cứ xây dựng danh mục, giá dự toán của dịch vụ nêu trên, Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm gửi báo giá cho Viện, thông tin chi tiết và yêu cầu cụ thể về báo giá như sau:

- Địa điểm cung cấp dịch vụ: Cơ sở 1 (48, Hai Bà Trưng, P. Tràng Tiền, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội) và Cơ sở 2 (Tự Liệt, Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội)
- Số lần bảo dưỡng: 02 đợt/năm (Dự kiến: Đợt 1: Tháng 5; Đợt 2: Tháng 10);
- Thời gian cung cấp dịch vụ: 02 năm (năm 2025 và 2026)
- Chi tiết khối lượng và yêu cầu kỹ thuật tại Phụ lục 1 kèm theo;
- Giá dịch vụ thống nhất là tiền Đồng Việt Nam (VNĐ); giá chào bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện việc cung cấp dịch vụ bảo dưỡng hệ thống điều hòa tại địa chỉ trên trong thời gian 02 năm (2025 và 2026), thuế VAT và các chi phí liên quan khác (nếu có);
- Báo giá (theo mẫu) gửi kèm văn bản này. Báo giá phải có chữ ký, đóng dấu của người có thẩm quyền theo quy định và có hiệu lực tối thiểu 90 ngày;
- Báo giá được gửi về Phòng Hành chính Quản trị - Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương (Địa chỉ: Số 48 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội) trước ngày 09/11/2024.

Đơn vị cần tìm hiểu thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ với Phòng Hành chính Quản trị, Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương theo số điện thoại: 024.38255341.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCQT

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Đăng Lâm

Phụ lục 1: Khối lượng và yêu cầu kỹ thuật bảo dưỡng điều hòa không khí
(Kèm theo công văn số: /VKNTTW-HCQT, ngày /10/2024)

1. Khối lượng công việc:

STT	DANH MỤC DỊCH VỤ	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Hệ thống điều hòa trung tâm Hitachi Setfree - 2 chiều nóng lạnh		
	Dàn nóng 2 chiều		
1	Dàn nóng công suất 10HP/ Model RAS-10FS3	Dàn	2
	Dàn lạnh âm trần nổi ống gió		
2	Công suất 2.5HP (ID3/01)/ Mordel RPI-2.5FSG1	Cái	8
3	Thiết bị Thông gió, hồi nhiệt	Bộ	8
II	Hệ thống điều hòa trung tâm Mitsubishi sử dụng công nghệ biến tần - 2 chiều nóng lạnh		
	Dàn nóng 2 chiều		
1		dàn	19
1.1	Outdoor Unit - 12HP/Model: PUHY-P300YHA.TH	dàn	6
1.2	Outdoor Unit - 14HP/Model: PUHY-P350YHA.TH	dàn	6
1.3	Outdoor Unit - 16HP/Model: PUHY-P400YHA.TH	dàn	5
1.4	Outdoor Unit - 18HP/Model: PUHY-P450YHA.TH	dàn	2
2	Dàn lạnh	Cái	90
2.1	Dàn lạnh loại kiểu cassette, 4 hướng thổi		
	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi		
2.1.1	Công suất lạnh: 14 kW, công suất sưởi: 16kW Model: PLFY-P125VBM-EBA	Cái	3
2.1.2	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 11,2 kW, Công suất sưởi: 12,5 Kw Model: PLFY-P100VBM-EBA	Cái	22
2.1.3	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 9 kW, công suất sưởi: 10 kW Model: PLFY-P80VBM-EBA	Cái	22
2.1.4	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 7,1 kW, Công suất sưởi: 8kW Model: PLFY-P63VBM-EBA	Cái	16
2.1.5	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 5,6 kW, Công suất sưởi: 6,3kW Model: PLFY-P50VBM-EBA	Cái	6
2.1.6	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 4,5 kW, Công suất sưởi: 5kW Model: PLFY-P40VBM-EBA	Cái	5

2.1.7	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 2,8 kW, Công suất sưởi: 3,2kW Model: PLFY-P25VCM-E2	Cái	1
2.2	<i>Dàn lạnh loại kiểu cassette, 02 hướng thổi</i> Indoor loại cassette âm trần 2 hướng thổi Công suất lạnh: 2,8 kW, Công suất sưởi: 3,2 kW Model: PLFY-P25VLMD-E	Cái	1
2.3	<i>Dàn lạnh loại kiểu âm trần nổi ống gió</i>		
2.3.1	Indoor loại âm trần nổi ống gió. Công suất lạnh: 14 kW, Công suất sưởi: 16 kW Model: PEFY-P125VMA-E.TH	Cái	12
2.3.2	Indoor loại âm trần nổi ống gió Công suất lạnh: 8 kW, Công suất sưởi: 9 kW Model: PEFY-P71VMA-E.TH	Cái	1
2.3.3	Indoor loại âm trần nổi ống gió Công suất lạnh: 5,6 kW, Công suất sưởi: 6,3kW Model: PEFY-P50VMA-E.TH	Cái	1
3	<i>Tủ điều khiển trung tâm Model: AG-150A-J</i>	Bộ	1
4	<i>Thiết bị Thông gió, hồi nhiệt</i>	Bộ	13
III	Điều hòa cục bộ (01 dàn nóng và 01 dàn lạnh)		
1	<i>Điều hòa treo tường</i>		
1.1	Công suất lạnh: 9.000 btu/h	Bộ	2
1.2	Công suất lạnh: 12.000 btu/h	Bộ	19
1.3	Công suất lạnh: 18.000 btu/h	Bộ	33
1.4	Công suất lạnh: 24.000 btu/h	Bộ	4
2	<i>Điều hòa âm trần cassette</i>		
2.1	Công suất lạnh: 12.000 btu/h		1
2.2	Công suất lạnh: 18.000 btu/h		1
2.3	Công suất lạnh: 24.000 btu/h		2
2.4	Công suất lạnh: 45.000 btu/h		3
3	<i>Điều hòa âm trần nổi ống gió</i>		
3.1	Công suất lạnh: 24.000 btu/h		2
3.2	Công suất lạnh: 34.000 btu/h		2

3.3	Công suất lạnh: 36.000 btu/h		3
3.4	Công suất lạnh: 42.000 btu/h		6
3.5	Công suất lạnh: 48.000 btu/h		3
4	Điều hòa cây công suất lạnh: 48.000btu/h		1
IV	Công việc khác		
1	Lập báo cáo phân tích tình trạng hoạt động hiện tại của hệ thống, khuyến cáo kịp thời những vấn đề phát sinh hoặc sự cố kỹ thuật		Cuối kỳ bảo dưỡng
2	Phối hợp với bên Viện để xử lý các sự cố của hệ thống điều hòa trong quá trình sử dụng. Tùy theo khối lượng công việc sẽ tính toán chi phí phát sinh ngoài chi phí bảo dưỡng định kỳ.		Thường xuyên

2. Yêu cầu kỹ thuật của công việc bảo dưỡng điều hòa:

2.1. Bảo dưỡng dàn nóng điều hòa trung tâm:

- Kiểm tra tình trạng vận hành chung của thiết bị trước và sau khi bảo dưỡng
- Kiểm tra, siết lại các bu long vào chân, bộ đỡ dàn nóng; xử lý hiện tượng rỉ sét ăn mòn tại các các giá đỡ, chân đế của dàn nóng (nếu có)
- Kiểm tra vệ sinh coil dàn nóng;
- Kiểm tra cách điện máy nén
- Kiểm tra xử lý độ rung, độ ồn; tra dầu mỡ cho các vòng bi, bạc của quạt (nếu cần)
- Vệ sinh các board mạch, máy nén...
- Kiểm tra, siết lại các điểm đấu nối nguồn, liên động, điều khiển bên trong dàn nóng;
- Vệ sinh dàn trao đổi nhiệt, cánh quạt gió, vỏ máy bằng máy chuyên dụng;
- Kiểm tra, xử lý sự rò rỉ gas tại đầu rắc co, trên đường ống, mối hàn, mối nối;
- Kiểm tra, hiệu chỉnh các thiết bị điều khiển: Rơ le, sensor nhiệt độ, áp suất và các thiết bị bảo vệ khác;
- Kiểm tra tình trạng cách nhiệt ống đồng dàn nóng
- Kiểm tra đường dây cấp nguồn, dây tín hiệu, dây điều khiển.
- Kiểm tra các chế độ vận hành điều khiển giữa dàn lạnh - dàn nóng và kết nối an toàn cho thiết bị
- Chạy thử máy, cài đặt lại chế độ và nhiệt độ phù hợp để sử dụng bình thường. Thông báo hư hỏng và đề xuất phương án khắc phục (nếu có)

2.2. Bảo dưỡng dàn lạnh điều hòa trung tâm:

- Kiểm tra tình trạng vận hành chung của thiết bị trước và sau khi bảo dưỡng
- Vệ sinh các board mạch
- Vệ sinh các cánh vẫy dàn lạnh, lưới lọc, mặt panel, cửa gió, cửa hồi, dàn trao đổi nhiệt, vỏ dàn lạnh,;
- Kiểm tra, vệ sinh bom, máng hứng nước ngưng và đường nước ngưng; thông đường nước xả, đường ống thoát, sửa chữa tình trạng chảy nước dàn lạnh (nếu có);
- Kiểm tra tình trạng cách nhiệt ống đồng dàn lạnh
- Vệ sinh, kiểm tra hoạt động các bộ điều khiển gắn tường, điều khiển cầm tay

- Kiểm tra xử lý độ rung, độ ồn; tra dầu mỡ cho các ổ trục, vòng bi, bạc của quạt (nếu cần);
- Kiểm tra, xử lý sự rò rỉ gas tại đầu rắc co, trên đường ống, mối hàn, mối nối
- Kiểm tra các chế độ vận hành điều khiển giữa dàn lạnh - dàn nóng và kết nối an toàn cho thiết bị
- Chạy thử máy, cài đặt lại chế độ và nhiệt độ phù hợp để sử dụng bình thường. Thông báo hư hỏng và đề xuất phương án khắc phục (nếu có)

2.3. Bảo dưỡng tủ điều khiển trung tâm

Kiểm tra hệ thống điều khiển nổi dây, điều khiển trung tâm: kiểm tra, hiệu chỉnh lại toàn bộ chức năng điều khiển, vệ sinh cơ học, thay pin (nếu cần)

2.4. Bảo dưỡng hệ thống thông gió, hồi nhiệt:

- Vệ sinh lồng, cánh quạt và động cơ quạt
- Vệ sinh các cửa gió, lưới lọc và dàn trao đổi nhiệt
- Kiểm tra quạt, lỗi tản nhiệt, siết lại các mối nối bị lỏng
- Kiểm tra độ cách điện động cơ quạt, dòng làm việc định mức
- Kiểm tra, xử lý độ rung, độ ồn; tra dầu mỡ cho các vòng bi, bạc của quạt (nếu cần)

2.5. Các công việc khác:

- Lập báo cáo phân tích tình trạng hoạt động hiện tại của hệ thống, khuyến cáo kịp thời những vấn đề phát sinh hoặc sự cố kỹ thuật;
- Phối hợp với bên Viện để xử lý các sự cố của hệ thống điều hòa trong quá trình sử dụng. Tùy theo khối lượng công việc sẽ tính toán chi phí phát sinh ngoài chi phí bảo dưỡng định kỳ.

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO GIÁ****Dịch vụ bảo dưỡng điều hòa không khí**

Kính gửi: Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương

Căn cứ nội dung mời báo giá dịch vụ bảo dưỡng điều hòa không khí của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương tại văn bản số 935/VKNTTW-HCQT ngày 29/10/2024; Công ty..... địa chỉ:, mã số thuế: báo giá cung cấp dịch vụ như sau:

1. Báo giá cung cấp dịch vụ bảo dưỡng điều hòa không khí (02 đợt bảo dưỡng/năm x 02 năm = 04 đợt bảo dưỡng):

TT	DANH MỤC THIẾT BỊ BẢO DƯỠNG	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Hệ thống điều hòa trung tâm Hitachi Setfree - 2 chiều nóng lạnh				
1	<i>Dàn nóng 2 chiều</i> Dàn nóng công suất 10HP/ Model RAS-10FS3	Dàn	2		
2	<i>Dàn lạnh âm trần nổi ống gió</i> Công suất 2.5HP (ID3/01)/ Mordel RPI-2.5FSG1	Cái	8		
3	<i>Thiết bị Thông gió, hồi nhiệt</i>	Bộ	8		
II	Hệ thống điều hòa trung tâm Mitshubishi sử dụng công nghệ biến tần - 2 chiều nóng lạnh				
1	<i>Dàn nóng 2 chiều</i>	dàn	19		
1.1	Outdoor Unit - 12HP/Model: PUHY-P300YHA.TH	dàn	6		
1.2	Outdoor Unit - 14HP/Model: PUHY-P350YHA.TH	dàn	6		
1.3	Outdoor Unit - 16HP/Model: PUHY-P400YHA.TH	dàn	5		
1.4	Outdoor Unit - 18HP/Model: PUHY-P450YHA.TH	dàn	2		
2	<i>Dàn lạnh</i>	Cái	90		
2.1	<i>Dàn lạnh loại kiểu cassette, 4 hướng thổi</i>				
2.1.1	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 14 kW, công suất sưởi: 16kW Model: PLFY-P125VBM-EBA	Cái	3		
2.1.2	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 11,2 kW, Công suất sưởi: 12,5 Kw Model: PLFY-P100VBM-EBA	Cái	22		
2.1.3	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 9 kW, công suất sưởi: 10 kW Model: PLFY-P80VBM-EBA	Cái	22		

2.1.4	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 7,1 kW, Công suất sưởi: 8kW Model: PLFY-P63VBM-EBA	Cái	16		
2.1.5	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 5,6 kW, Công suất sưởi: 6,3kW Model: PLFY-P50VBM-EBA	Cái	6		
2.1.6	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 4,5 kW, Công suất sưởi: 5kW Model: PLFY-P40VBM-EBA	Cái	5		
2.1.7	Indoor loại cassette âm trần 4 hướng thổi Công suất lạnh: 2,8 kW, Công suất sưởi: 3,2kW Model: PLFY-P25VCM-E2	Cái	1		
2.2	<i>Dàn lạnh loại kiểu cassette, 02 hướng thổi</i> Indoor loại cassette âm trần 2 hướng thổi Công suất lạnh: 2,8 kW, Công suất sưởi: 3,2 kW Model: PLFY-P25VLMD-E	Cái	1		
2.3	<i>Dàn lạnh loại kiểu âm trần nối ống gió</i>				
2.3.1	Indoor loại âm trần nối ống gió. Công suất lạnh: 14 kW, Công suất sưởi: 16 kW Model: PEFY-P125VMA-E.TH	Cái	12		
2.3.2	Indoor loại âm trần nối ống gió Công suất lạnh: 8 kW, Công suất sưởi: 9 kW Model: PEFY-P71VMA-E.TH	Cái	1		
2.3.3	Indoor loại âm trần nối ống gió Công suất lạnh: 5,6 kW, Công suất sưởi: 6,3kW Model: PEFY-P50VMA-E.TH	Cái	1		
3	<i>Tủ điều khiển trung tâm Model: AG-150A-J</i>	Bộ	1		
4	<i>Thiết bị Thông gió, hồi nhiệt</i>	Bộ	13		
III	Điều hòa cục bộ (01 dàn nóng kết nối với 01 dàn lạnh)				
1	<i>Điều hòa treo tường</i>				
1.1	Công suất lạnh: 9.000 btu/h	Bộ	2		
1.2	Công suất lạnh: 12.000 btu/h	Bộ	19		
1.3	Công suất lạnh: 18.000 btu/h	Bộ	33		
1.4	Công suất lạnh: 24.000 btu/h	Bộ	4		
2	<i>Điều hòa âm trần cassette</i>				
2.1	Công suất lạnh: 12.000 btu/h		1		
2.2	Công suất lạnh: 18.000 btu/h		1		

2.3	Công suất lạnh: 24.000 btu/h		2		
2.4	Công suất lạnh: 45.000 btu/h		3		
3	Điều hòa âm trần nổi ống gió				
3.1	Công suất lạnh: 24.000 btu/h		2		
3.2	Công suất lạnh: 34.000 btu/h		2		
3.3	Công suất lạnh: 36.000 btu/h		3		
3.4	Công suất lạnh: 42.000 btu/h		6		
3.5	Công suất lạnh: 48.000 btu/h		3		
4	Điều hòa cây công suất lạnh: 48.000btu/h		1		
IV	Công việc khác				
1	Lập báo cáo phân tích tình trạng hoạt động hiện tại của hệ thống, khuyến cáo kịp thời những vấn đề phát sinh hoặc sự cố kỹ thuật cuối kỳ bảo dưỡng	Báo cáo	01		
2	Phối hợp với bên Viện để xử lý các sự cố của hệ thống điều hòa trong quá trình sử dụng. Tùy theo khối lượng công việc sẽ tính toán chi phí phát sinh ngoài chi phí bảo dưỡng định kỳ.	Thường xuyên			
A	Cộng giá trị				
B	Thuế VAT				
	Tổng cộng (A+B)				

Giá dịch vụ là giá bao gồm: Chi phí để cung cấp dịch vụ cho 04 đợt bảo dưỡng/02 năm tại địa chỉ của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương, thuế giá trị gia tăng (VAT) và các chi phí liên quan khác (nếu có).

2. Hiệu lực của báo giá: Báo giá này có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày phát hành.

3. Chúng tôi cam kết:

- Cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng yêu cầu kỹ thuật quy định tại Mục 2, Phụ lục 1 kèm theo văn bản số 935/VKNTTW-HCQT ngày 29/10/2024 của Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Những thông tin kê khai trong báo giá là trung thực.

....., ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)